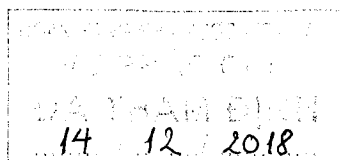


Số: 33 /2018/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018



THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

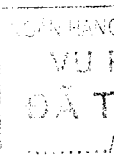
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2013/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước sử dụng mẫu Bảng kê từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này để tính, thu phí dịch vụ thanh toán và tổng hợp số liệu thu phí dịch vụ thanh toán theo mẫu Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.”



2. Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung Mục 1.3 “Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác” và Mục 1.4 “Phí giao dịch thanh toán ngoại tệ” vào Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước”, cụ thể:

Stt	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
1.3	Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Thành viên trả tiền (ghi Nợ tài khoản tiền gửi tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước)	0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 4.000 đồng/món , tối đa 100.000 đồng/món)
1.4	Phí giao dịch thanh toán ngoại tệ			
a)	Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD)	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước	Thành viên hoặc đơn vị thành viên gửi Lệnh thanh toán	0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 usd/món , tối đa 5 usd /món)
b)	Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 eur/món , tối đa 5 eur/món)

b) Sửa đổi, bổ sung Mục 3 “Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước”, cụ thể:

Stt	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
3.	Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước			
3.1	Thanh toán bằng VND	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân	Đơn vị chuyển (trả) tiền	0,02% số tiền thanh toán (Tối thiểu 10.000 đồng/ món ; Tối đa 100.000 đồng/ món)

3.2	Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD)	hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ đơn vị chuyên (trả) tiền	0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 usd/món, tối đa 5 usd/món)
3.3	Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)		0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 eur/món, tối đa 5 eur/món)

3. Thay thế các mẫu Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN bằng các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bổ sung mẫu Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Tài chính - Kế toán hướng dẫn việc hạch toán kế toán đối với các giao dịch thu phí dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác sử dụng dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

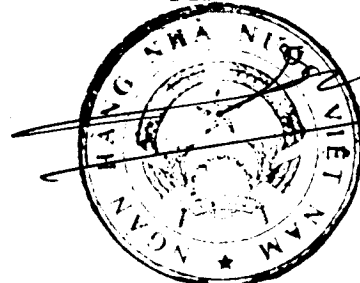
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019. *pm*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, PC, TT. *uu*

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Nguyễn Kim Anh

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA
TIÊU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ CAO, HỆ THỐNG TTĐTLNH**

Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)

Tháng ... năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giờ giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
(*) Kê chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN):						
(*) (Tên ĐVTV 1)		(Mã NH của ĐVTV 1)	(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1)	(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1)		(Tổng số tiền phí của ĐVTV 1)
1.	...					
2.	...					
...	...					
(*) (Tên ĐVTV 2)		(Mã NH của ĐVTV 2)	(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2)	(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2)		(Tổng số tiền phí của ĐVTV 2)
1.	...					
2.	...					
...						
TỔNG CỘNG:			(Tổng số món giao dịch)	(Tổng số tiền giao dịch)		(Tổng số tiền phí phải trả)

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

AM

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA
TIỂU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ THẤP, HỆ THỐNG TTĐTLNH**

Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)

Tháng ... năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
(*) Chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN):						
(*) (Tên ĐVTV 1)		(Mã NH của ĐVTV 1)	<i>(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1)</i>	<i>(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1)</i>		<i>(Tổng số tiền phí của ĐVTV 1)</i>
1.	...					
2.	...					
...	...					
(*) (Tên ĐVTV 2)		(Mã NH của ĐVTV 2)	<i>(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2)</i>	<i>(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2)</i>		<i>(Tổng số tiền phí của ĐVTV 2)</i>
1.	...					
2.	...					
...						
Tổng cộng:			(Tổng số món giao dịch)	(Tổng số tiền giao dịch)		(Tổng số tiền phí phải trả)

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):
....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

PM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị thu phí:

**BẢNG KÊ TÓNG HỢP THU PHÍ QUA TIÊU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ THẤP
VÀ TIÊU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ CAO HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG**

Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)

Tháng ... năm

Đơn vị trả phí: TK Nợ: Trang: Mã NH:

STT	Tên thành viên, đơn vị thành viên	Mã NH	Tiêu hệ thống thanh toán giá trị cao			Tiêu hệ thống thanh toán giá trị thấp			Thanh toán ĐTLNH		
			Số món giao dịch	Số tiền trên chứng từ	Số tiền phí	Số món giao dịch	Số tiền trên chứng từ	Số tiền phí	Số món giao dịch	Số tiền trên chứng từ	Số tiền phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(4)+(7)	(11)=(5)+(8)	(12)=(6)+(9)
(*) 1.	ĐVTV 1										
(*) 2.	ĐVTV 2										
(*)...	...										
...	...										
	Tổng cộng:										

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):
....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê tổng số lượng, giá trị, phí giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

AMC

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN NGOẠI TỆ
QUA HỆ THỐNG TTĐTLNH**

Loại tiền tệ: USD/EUR/...()**

Tháng năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giờ giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
(*) Kê chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN):						
(*) (Tên ĐVTV 1)		(Mã NH của ĐVTV 1)	(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1)	(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1)		(Tổng số tiền phí của ĐVTV 1)
1.	...					
2.	...					
...	...					
(*) (Tên ĐVTV 2)		(Mã NH của ĐVTV 2)	(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2)	(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2)		(Tổng số tiền phí của ĐVTV 2)
1.	...					
2.	...					
...						
TỔNG CỘNG:			(Tổng số món giao dịch)	(Tổng số tiền giao dịch)		(Tổng số tiền phí phải trả)

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

- (**) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ thực hiện thanh toán.

PHIV

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ TỔNG HỢP THU PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN NGOẠI TỆ QUA
HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG**

Loại tiền tệ: USD/EUR/... (**)

Tháng ... năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Tên thành viên, đơn vị thành viên	Mã NH	Số món	Số tiền trên chứng từ	Số phí	Ghi chú
1.						
(*) 1.	ĐVTV 1					
(*) 2.	ĐVTV 2					
(*)...	...					
Tổng cộng			

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):

....., ngày thángnăm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê tổng số lượng, giá trị, phí giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).
- (**) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ thực hiện thanh toán.

AMV

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ PHÍ THANH TOÁN TỪNG LẦN
QUA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI MỞ TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Loại tiền tệ: VND/USD/EUR...()**

Tháng ... năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
1.						
2.						
3.						
...						
Tổng cộng:				(Tổng số tiền giao dịch)		(Tổng số tiền phí phải trả)

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Phụ lục 06 thống kê chi tiết các món giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi tại đơn vị NHNN, bao gồm: chuyển tiền qua hệ thống TTĐTLNH thông qua tư cách thành viên của đơn vị NHNN (CI-NHNN), chuyển tiền giữa các đơn vị NHNN thông qua tài khoản thanh toán liên chi nhánh, chuyển khoản tại cùng một đơn vị NHNN,...

- (***) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ thực hiện thanh toán

PMV

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN BÙ TRỪ

Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)

Tháng ... năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giao dịch	Mã NH nhận lệnh	Số món giao dịch	Mức phí	Tiền phí
1.					
2.					
3.					
...					
Tổng cộng:			(Tổng số món giao dịch)		(Tổng số tiền phí phải trả)

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

mm

Tổng cộng:									

Tổng số tiền phí (bằng chữ):.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

LẬP BẢNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn tổng hợp số liệu:

- Đơn vị lập báo cáo: Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hoàn thành chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.
- Đơn vị khai thác báo cáo: Vụ Thanh toán – NHNN Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Hướng dẫn tổng hợp số liệu: Không báo cáo vào những ô có dấu (X); Số liệu báo cáo được tổng hợp thu phí tại mỗi đơn vị NHNN (Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).



Handwritten mark or signature at the top right corner.